| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY BẮC**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 42 /2019/DS- ST
Ngày: 10-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản .

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Lê Văn Xiêm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng **9** năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Trúc M, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ủy quyền cho bà Tạ Thị L, sinh năm 1967. Trú tại: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1957; Hộ khẩu thường trú ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trú tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1966. Hộ khẩu thường trú ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trú tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà L có mặt; ông L1, bà P vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Thị L trình bày:*

Vào ngày 08/01/2018 âm lịch ông Nguyễn Văn L1 có đến nhà của chị Lê Thị Trúc M mượn số tiền 600.000.000 đồng để ông L1 trả tiền đáo hạn ngân hàng, vì do quen biết nên cho ông L1 mượn tạm, ông L1 hứa ngày 15/01/2018 al trả lại và ông L1 có viết giấy nợ cho chị M. Ông L1 nói là trả lãi 3%/tháng. Nhưng đến ngày hẹn ông L1 không trả, chị Mai có đòi nhiều lần nhưng ông L1 trốn tránh không trả, sau đó chị M có làm đơn yêu cầu khởi tố đến công an tỉnh Bến Tre giải quyết và công an tỉnh Bến Tre ra quyết định không khởi tố ông L1. Vào ngày 14/01/2018 al thì ông L1 đưa 6.000.000 đồng và nói là trả tiền lãi nhưng không có nói trả cụ thể như thế nào.

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án,chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L1, bà P liên đới trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm tức 0,83%/tháng kể từ ngày 08/01/2018al cho đến ngày tòa xét xử.

Tại phiên tòa bà đại diện nguyên đơn yêu cầu ông L1, bà P liên đới trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng , không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Theo biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Hồng P trình bày:*

Việc ông L1 vay tiền của chị M bà hoàn toàn không biết, đến khi bà M khởi kiện bà mới biết ông L1 có thiếu chị M 600.000.000 đồng. Ông L1 mượn tiền bà M là để cho vay đáo hạn ngân hàng nhưng do những người vay không trả cho ông L1 nên ông L1 không có tiền trả cho chị M. Nay chị M yêu cầu thì bà không có đủ tiền trả cho chị M bà cũng có kêu chị M lấy một phần đất để trừ nợ.

Tại phiên tòa đại diện Việm kiểm sát phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành không đúng pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Hồng P1 phải liên đới hoàn trả cho chị Lê Thị Trúc M số tiền vay là 600.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy*:

***[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã P, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông L1, bà P.

***[2] Về nội dung giải quyết vụ án:***

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Đại diện nguyên đơn cho rằng vào ngày 08/01/2018 âm lịch ông Nguyễn Văn L1 có đến nhà của chị Lê Thị Trúc M mượn số tiền 600.000.000 đồng để ông L1 trả tiền đáo hạn ngân hàng, vì do quen biết nên cho ông L1 mượn tạm, ông L1 hứa ngày 15/01/2018 al trả lại và ông L1 có viết giấy nợ cho chị M. Ông L1 nói sẽ trả lãi 3%/tháng nhưng đến nay chưa trả được số vốn nào, ông L1 chỉ trả 6.000.000 đồng nói trả lãi nhưng không cụ thể là bao nhiêu tháng. Đồng thời phía nguyên đơn nộp cho tòa 01 giấy nợ ký tên Nguyễn Văn L1. Ông L1 vắng mặt không có lời khai, tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 28/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre ông L1 thừa nhận ngày 08/01/2018 có vay của chị M số tiền 600.000.000 đồng, hẹn 01 tuần trả, có viết biên nhận nợ và đưa cho chị M, lãi suất 3%/tháng nhưng ông chưa trả, chỉ trả được 6.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, việc ông L1 vay tiền của chị M là có thật. Sau khi tòa thụ lý đã ra thông báo thụ lý và triệu tập ông tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L1 không đến không có ý kiến gì nên có căn cứ để xác định đến thời điểm này ông L1 còn nợ chị M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và việc ông L1 vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ đúng hạn như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị M, Do đó Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông L1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị M số tiền vốn vay 600.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của chị M về việc tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng của số tiền vốn 600.000.000 đồng từ ngày 08/01/2018 al (là ngày 23/02/2018 dương lịch) đến ngày xét xử tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng mà ông L1 đã trả cho chị M, ông L không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Hồng P là vợ ông L1 mặc dù không trực tiếp tham gia hợp đồng vay tài sản với chị M, tuy nhiên việc ông L1 vay tiền bà P cho rằng không biết nhưng mục đích vay là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình, bà P cũng cho rằng có kêu chị M lấy đất trả nợ như vậy bà P cũng đồng ý cùng ông L1 trả nợ, do đó căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà Nguyễn Hồng P phải liên đới cùng với ông L1 trả nợ cho chị M số tiền vay 600.000.000 đồng là phù hợp.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Hồng P phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định nhưng do ông L1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Xét về quan điểm đại diện Viện kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc M.

Buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Hồng P phải liên đới hoàn trả cho chị Lê Thị Trúc M số tiền vay là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, ghi nhận chị M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn L1 được miễn nộp do thuộc diện người cao tuổi.

Buộc bà Nguyễn Hồng P phải nộp số tiền án phí là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Trúc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng theo biên lai thu số 0002838 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

. ***Nơi nhận***:
- *TAND Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);*
- *Đương sự (02b);*
- *Lưu HS, VP (03b).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**

Các thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa